UBND HUYỆN AN LÃO

TRƯỜNG THCS Thái Sơn ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: SINH LỚP 9

*( Thời gian làm bài 45 phút)*

*Giáo viên ra đề : Nguyễn Văn Hiến*

A, MA TRẬN ĐỀ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chủ đề | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng cộng | |
|  | Biết | | Hiểu | | Vận dụng thấp | | Vận dụng cao | | TN | TL |
|  | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| Chương I  Các thí nghiệm của Men đen | Biết được kết quả định luật phân li của Menđen, cặp tính trạng tương phản | | Xác định được phép lai phân tích, KG thuần chủng | |  |  |  | |  |  |
| Số câu | 1 |  | 3 |  |  |  |  |  |  | 5 |
| Điểm | 0,4 |  | 1,2 |  |  |  |  |  |  | 3 |
| Chương II  Nhiễm Sắc Thể | Biết được quá trình tự nhân đôi của NST xảy ra ở đâu, chức năng của NST, | | Hiểu bản chất quá trình nguyên phân và giảm phân, | |  | |  |  |  |  |
| Số câu | 3 |  | 1 |  |  |  |  |  |  | 3 |
| Điểm | 1,2 |  | 0,4 |  |  |  |  |  |  | 0,75 |
| Chương III  ADN \_ Gen | Biết được đơn phân cấu tạo của protein là axit amin | | Sự khác biệt giữa ADN với ARN  Hiểu được cấu trúc không gian của phân tử ADN | |  | |  |  |  |  |
| Số câu | 4 |  | 1 | 1 |  |  |  |  | 5 | 1 |
| Điểm | 1,6 |  | 0,4 | 1,0 |  |  |  |  | 2,0 | 1,0 |
| Chương IV  Biến dị |  |  |  |  | Vận dụng xác định dạng đột biến và hậu quả | |  |  |  |  |
| Số câu |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |
| Điểm |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| Chương V  Di Truyền học người | nhận biết được một số bệnh di truyền ở người và nguyên nhân của nó. | |  |  |  |  | Vận dụng giải thích được cơ chế bệnh Đao | |  |  |
| Số câu | 2 |  |  |  |  |  |  | 1 | 2 | 1 |
| Điểm | 0,8 |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,8 | 1 |
| Tổng cộng | 10 |  | 5 | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 18 |
| 4,0 |  | 2,0 | 1,0 |  | 2,0 |  | 1,0 |  | 10 |
| 40% |  | 20% | 10% |  | 20% |  | 10% |  | 100% |

B, Đề bài

I./TRAÉC NGHIEÄM : ( 6 điểm )

*Khoanh tròn câu trả lời đúng nhất, mỗi câu đúng 0,4 điểm*

Câu 1: Kết quả của định luận phân li của Menđen là

A. F2 có tỉ lệ 1 trội : 1 lặn. B. F2 có tỉ lệ 1 trội : 2 trung gian : 1 lặn.

C. F2 có tỉ lệ 3 trội : 1 lặn. D. F2 đồng tính trội.

Câu 2: Loại ARN nào sau đây có chức năng truyền đạt thông tin di truyền

A. tARN B. rARN C. mARN D. aARN.

Câu 3: Kiểu gen nào dưới đây là thuần chủng

A. AABB B. Aabb C. aaBb D. AaBb

Câu 4: Nhiễm sắc thể tự nhân đôi xảy ra ở kỳ nào?

A. Kỳ trung gian. B. Kỳ giữa. C. Kỳ sau. D. Kỳ cuối.

Câu 5: Giảm phân là hình thức phân bào xảy ra ở

A. tế bào sinh dưỡng. B. tế bào sinh dục vào thời kỳ chín

C. tế bào mầm sinh dục D. hợp tử và tế bào sinh dưỡng.

Câu 6: Chức năng của nhiễm sắc thể giới tính là

A. Điều kiện tổng hợp prôtêin cho tế bào B. Nuôi dưỡng cơ thể.

C. Xác định giới tính. D. Phát triển cơ thể

Câu 7: Phép lai nào sau đây là phép lai phân tích?

A. AA x Aa B. Aa x AA C. Aa x Aa D. Aa x aa

Câu 8: Đơn phân cấu trúc của prôtêin là

A. Axít Nuclêôtít. B. Axít Amin. C. Nuclêôtít. D. Axít Phôtphoríc.

Câu 9 : Cặp tính trạng tương phản là

A. Thân cao, thân lùn B. Hạt vàng, hạt nhăn C. Vỏ xám, quả lục. D. Hoa đỏ, vỏ nhăn.

Câu 10: Bốn loại đơn phân cấu tạo ADN có ký hiệu là

A. A, U, G, X. B. A, T, G, X. C. A, D, G, T. D. U, R, D, X.

Câu 11 : Tên gọi đầy đủ của phân tử ARN là

A. Axít đềoxiribônuclêic. B. Nuclêôtít. C. Axít Photphoric. D. Axít Ribônuclêic.

Câu 12: Đặc điểm khác biệt của ARN với phân tử ADN là :

A. Đại phân tử. B. Có cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.

C. Chỉ có cấu trúc một mạch. D. Được tạo từ 4 loại đơn phân.

Câu 13 Số lượng NST trong bộ lưỡng bội(2n) của người là

|  |  |
| --- | --- |
| A. 46. | B. 14. |
| C. 23. | D. 92 |

Câu 14 Một tế bào sinh dục đực kết thúc giảm phân cho bao nhiêu tinh trùng?

|  |  |
| --- | --- |
| A. 2. | B.4. |
| C. 1. | D. 3. |

Câu 15 Kết quả quá trình nguyên phân tạo ra tế bào con có số NST

|  |  |
| --- | --- |
| A.bằng 1 nửa số NST trong TB mẹ | B. gấp lần 3 số NST trong TB mẹ |
| C gấp 2 lần số NST trong TB mẹ | D. bằng số NST trong TB mẹ |

II./ TỰ LUẬN: ( 4 điểm )

Câu 1:(1 điểm) Mô tả cấu trúc không gian của ADN ? Cho một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có trình tự sắp xếp như sau :

– A – T – G – X – T – A – G – T – X –

Hãy viết đoạn mạch bổ sung với nó ?

Câu 2(2 điểm): Một NST có trình tự các gen phân bố: ABCDE \* FGH cho biết :A,B,C,D,E,F,G,H kí hiệu các gen trên NST; (\* ) tâm động.

Do đột biến cấu trúc nên các gen phân bố trên NST có trình tự : ABCDE\* FG

* Xác định dạng đột biến.
* Nếu dạng đột biến xảy ra ở cặp |NST thứ 21 ở người thì gây hậu quả gì? Lấy ví dụ.

Câu 3(1 điểm) Thường biến là những biến đổi ở kiểu hình, một số đột biến cũng làm thay đổi kiểu hình. Vậy thường biến và đột biến khác nhau như thế nào?

-------------Hết------------

C./ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM SINH HỌC 9

I. TRẮC NGHIỆM: (6 điểm ) mỗi câu 0,4 đ’

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Đáp án | C | C | A | A | B | C | D | B | A | B | D | C | A | B | D |

II. TỰ LUẬN (4 điểm )

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Nội dung cần nêu được | Biểu điểm |
| 1 | -ADN là một chuỗi xoắn kép gồm 2 mạch song song xoắn đều quang 1 trục theo chiều từ trái sang phải | 0,25đ |
| - Mỗi chu kỳ xoắn cao 34 A­0 gồm 10 cặp nuclêôtit có đường kính là 20 A­0 | 0,25đ |
| - Các nuclêôtit giữa hai mạch liên kết với nhau theo nguyên tắc bổ sung A liên kết với T, G liên kết với X và ngược lại | 0,25đ |
| Mạch bổ sung - T-A- X-G-A-T-X-A-G- | 0,25đ |
| 2 | - Đây là dạng đột biến mất đoạn NST, mất đoạn mang gen H  - Kiểu đột biến cấu trúc NST dạng mât đoạn  -Hậu quả:đột biến mất đoạn có thể gây chết hoặc làm giảm sức sống của cơ thể  - ví dụ : ở người mất một đoạn nhỏ ở đầu NST thứ 21 gây bệnh ung thư máu | 0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ |

Câu 3: (1 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung | | Điểm |
| Thường biến | Đột biến |  |
| - Biến đổi ở kiểu hình, không biến đổi ở kiểu gen | - Biến đổi ở kiểu gen, kiểu hình có thể bị biến đổi | 0,25 |
| - Không di truyền | - Di truyền cho thế hệ sau | 0,25 |
| - Có lợi cho sinh vật | - Đa số có hại co sinh vật | 0,25 |
| - Biến đổi đồng loạt theo một hướng phù hợp với môi trường | - Biến đổi riêng lẻ | 0,25 |

XÁC NHẬN CỦA BGH GV duyệt đề GV ra đề

Lê văn Triển Ngô Thu Thanh Nguyễn Văn Hiến